TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Cẩu

2. Ông Lê Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Thu Hồng Em - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị Bé N, sinh năm 1989 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 14, ấp Cần T ,xã Cần Đ, huyện Châu Th, tỉnh A

2. Bị đơn : Anh Nguyễn Ẩn T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 15, ấp An P , xã An H, huyện Châu Th, tỉnh A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 14/02/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị Bé N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T tìm hiểu nhau, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, không tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND xã Cần Đ , huyện Châu Th, tỉnh A ngày 07/9/2012. Vợ chồng sau khi về chung sống với nhau, cả hai vợ chồng cùng đi làm ở Bình

Dương, Đồng Nai, Phú Quốc. Trong thời gian đi làm thuê, anh T không lo làm ăn, cờ bạc, không quan tâm vợ con, đánh đập chị. Chị nhiều lần bỏ nhà đi, anh T có năn nỉ và chịu sửa sai. Nhưng khi về chung sống anh T vẫn không thay đổi. Đến giữa năm 2018 chị bỏ về nhà cha mẹ ruột tại xã Cần Đ sinh sống cho đến nay. Trong khoảng thời gian này giữa anh chị không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện nay, chị không còn tình cảm với anh T, do đó yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Khắc Linh Đ sinh ngày 26/7/2013. Hiện cháu Linh Đ sống chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Không yêu cầu anh Tcấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Ẩn T : Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị Bé N

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Chị Hà Thị Bé N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Biên bản xác minh về nơi cư trú của đương sự tại Công an xã An H, huyện Châu Th, tỉnh An G ngày 25/4/2019; thể hiện bị đơn anh T có nơi cư trú tại ấp An Phú, xã An H, huyện Châu Th, tỉnh An G. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tống đạt các thông báo văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Anh T không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đồng thời, anh Tkhông có mặt tại phiên tòa khi được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Chị Hà Thị Bé N và anh Nguyễn Ẩn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang ngày 07/9/2012. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp,tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N, anh T. Mục đích tạo điều kiện cho anh chị được đoàn tụ; Ngoài ra, Tòa án ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 18/2019 ngày 25/3/2019 đối với anh Tử; Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tiến hành lấy lời khai anh Tvào các ngày 10/4/2019 và ngày 25/4/2019; Tuy nhiên anh T không có mặt tại nhà vào thời điểm Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ. Tại phiên tòa chị N vẫn giữ yêu cầu ly hôn; Anh T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị N; Điều này, thể hiện anh T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, giữa chị N, anh T ly thân nhau từ giữa năm 2018 cho đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân giữa chị N, anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc yêu thương nhau. Như vậy cả chị N và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ 2014. Do đó, yêu cầu của bà N có căn cứ được HĐXX xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Chị N, anh T có 01 con chung cháu Nguyễn Khắc Linh Đ sinh ngày 26/7/2013. Hiện cháu Linh Đ đang do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không có ý kiến tranh chấp về quyền nuôi con chung. Do đó, yêu cầu của chị N và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Đồng thời, chị N phải tạo điều kiện cho anh T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung không ai được cản trở. Anh Tkhông cấp dưỡng nuôi con, do chị N không yêu cầu. Việc nuôi con không cố định.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị Hà Thị Bé N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo:

Chị N, anh Tcó quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271,khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Bé N. Chị N được ly hôn với anh Nguyễn Ẩn T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 210 ngày 07/9/2012 của UBND xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: Chị Hà Thị Bé N được tiếp tục nuôi chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Khắc Linh Đ sinh ngày 26/7/2013.

Anh Nguyễn Ẩn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Hà Thị Bé N không có yêu cầu.

Đồng thời chị N phải tạo điều kiện cho anh T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở .

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Hà Thị Bé N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014111 ngày 06/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo: Chị Hà Thị Bé N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Ẩn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Thùy Trang